



fēi chuán

飞船

Noun · Spaceship

Example Sentences

zhè shì yī sōu fēi chuán

这是一艘飞船。

This is a spaceship.

yǔ háng yuán men chéng zuò fēi chuán qián wǎng kōng jiān zhàn

宇航员们乘坐飞船前往空间站。

The astronauts traveled to the space station by spaceship.

hái zi men xǐ huān kàn fēi chuán zài tiān kōng zhōng fēi xíng

孩子们喜欢看飞船在天空中飞行。

Children like to watch spaceships flying in the sky.

Trace each character, then write the word on your own.

飞 飞 飞 飞 飞 飞

船 船 船 船 船 船 船 船 船 船 船

船 船 船